TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020
"V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng dân sự vô hiệu và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Loan**

2. Ông **Hồ Trung Hậu**

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Thanh Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Trần Văn Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc*"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 151, Tân Quới Tây, phường TA, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn *(theo giấy ủy quyền ngày 29/5/2020)*: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp MP 2, xã MH, thị xã BM, tỉnh V. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Đặng Thanh S**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 28, ấp TP, xã TL, huyện BT, tỉnh V.

2.2. Bà **Phan Ngọc H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 1, phường TP, thị xã BM, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 12 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn Nguyễn Thành N trình bày:

Vào ngày 16/10/2018 ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, sau đó do gặp khó khăn trong thủ tục chuyển nhượng (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, bà H chưa được cấp đổi) nên ông có yêu cầu ông S và bà H hủy hợp đồng chuyển nhượng và trả lại ông số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh bằng 1,66%/tháng, nhưng ông S và bà H cố tình tránh né để hoãn việc trả số tiền trên cho ông.

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn Nguyễn Thành N có đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Vào ngày 26/10/2018 ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H có vay của ông Nguyễn Thành N số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, khi vay ông S, bà H có thế chấp cho ông N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long với hình thức là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng vào ngày 26/10/2018 tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Vĩnh Long số 2933, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi vay ông S và bà H không có đóng lãi cho ông N, nên ông N nhiều lần yêu cầu ông S và bà H chấm dứt hợp đồng vay và trả lại cho ông N số tiền 100.000.000 đồng và trả lãi phát sinh bằng 1,66%/tháng nhưng ông S và bà H cố tình tránh né để hoãn việc trả số tiền trên cho ông N.

Nay ông Nguyễn Thành N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/10/2018 giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H, buộc ông S và bà H trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 1,66%/tháng tính từ ngày 26/10/2018 đến 26/5/2020 là 19 tháng bằng 31.540.000 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi là 131.540.000 đồng, ông N đồng ý trả lại cho ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do ông Đặng Thanh S đứng tên trong mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai đề ngày 16/9/2020 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa bị đơn Đặng Thanh S trình bày:

Ông Đặng Thanh S thừa nhận vào ngày 26/10/2018 ông có vay của ông Nguyễn Thành N số tiền 100.000.000 đồng là đúng, lãi suất thời điểm vay là 5%/tháng. Việc vay không có làm giấy tờ, nhưng để đảm bảo thì ông có thế chấp cho ông Nguyễn Thành N thửa đất số 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, đất tọa lạc

tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long với hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/10/2018. Mục đích vay tiền là để vợ chồng ông làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sau khi vay ông đóng lãi cho ông N được 07 tháng với số tiền 35.000.000 đồng, sau đó thì dịch Covid 19 bùng phát ông không tiếp tục làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động được và không có việc làm nên không có tiền để tiếp tục đóng lãi cho ông N, nên ông xin ông N giảm lãi xuống còn 3%/tháng thì được ông N đồng ý và ông tiếp tục đóng lãi cho ông N được 3.000.000 đồng thì ông không đóng cho ông N nữa.

Nay ông Nguyễn Thành N yêu cầu ông trả số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng thì ông đồng ý. Về tiền lãi phát sinh thì ông đồng ý trả cho ông N với mức lãi suất là 1,66%/tháng trên số tiền vay 100.000.000 đồng, nhưng phải trừ đi số tiền lãi ông đã đóng cho ông N trước đây.

Tại phiên tòa anh Lê Văn T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/8/2020 đối với các bị đơn Đặng Thanh S và Phan Ngọc H. Anh T xác định ông Nguyễn Thành N cho ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H vay và nhận tiền là vào ngày 26/10/2018 cùng ngày với ngày ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/10/2018 chỉ là hợp đồng giả cách không có thực hiện trên thực tế nên nguyên đơn không bị thiệt hại gì do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, chỉ yêu cầu vợ chồng ông S trả cho ông N số tiền đã vay và lãi suất bằng 1.66%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, anh không còn ý kiến nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định, các bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt trong các buổi hòa giải và các phiên tòa).

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 26/10/2018 tại Phòng công chứng số 2 Vĩnh Long giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H về việc chuyển nhượng thửa đất số 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, đất tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Buộc ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H có nghĩa vụ trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 43.381.000 đồng cho ông Nguyễn Thành N. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H phải chịu là 7.469.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Nguyễn Thành N khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/10/2018 giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H và yêu cầu buộc ông S và bà H trả cho ông 100.000.000 đồng tiền vay, ông Đặng Thanh S có nơi cư trú tại tổ 28, ấp TP, xã TL, huyện BT, tỉnh V nên xác định đây là tranh chấp dân sự về "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có bị đơn Đặng Thanh S tham gia, còn bị đơn Phan Ngọc H vắng mặt nên hòa giải không thành do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa thì các bị đơn Đặng Thanh S và Phan Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vụ án, cũng như việc nguyên đơn ông Nguyễn Thành N với bị đơn ông Đặng Thanh S đều thừa nhận ông N có cho vợ chồng ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H vay 100.000.000 đồng, để đảm bảo nợ vay các bị đơn đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 453262, số vào sổ cấp GCN: H65363 do UBND huyện Bình Tân cấp ngày 24/11/2008, cập nhật thay đổi ngày 23/6/2015 do chuyển nhượng: thửa 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long cho nguyên đơn Nguyễn Thành N, đồng thời cùng ngày 26/10/2018 hai bên đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Vĩnh Long với mục đích là đảm bảo cho khoản tiền vay chứ không phải thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên thực tế tài sản chuyển nhượng là thửa đất số 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của các bị đơn, nguyên đơn hoàn toàn không có quản lý, sử dụng. Từ đó, có đủ cơ cở để xác định việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H là giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tài sản. Căn cứ theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 26/10/2020 giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H là vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm

giao dịch được xác lập. Còn đối với giao dịch vay tài sản ngày 26/10/2018 thì có hiệu lực.

Xét về lỗi dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/10/2018 giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H vô hiệu thì hai bên đều có lỗi bằng nhau, bởi các đương sự đều biết rõ việc xác lập hợp đồng giả tạo để che giấu hợp đồng vay tài sản là trái quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình thỏa thuận để giao kết và thực hiện. Tuy nhiên, trong vụ án này các đương sự không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và trên thực tế thiệt hại cũng không xảy ra vì hai bên không có thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng này, tức ông S, bà H không có chuyển giao đất cho ông N, ông N cũng không có chuyển giao tiền cho ông S, bà H trong hợp đồng chuyển nhượng mà chỉ giao tiền để thực hiện hợp đồng vay tài sản.

Đối với hợp đồng vay tài sản: Vào ngày 26/10/2018 ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H có vay của ông Nguyễn Thành N số tiền 100.000.000 đồng là sự thật được thể hiện ở chỗ bà H và ông S đều ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/10/2018 nên các bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Về lãi suất cho vay nguyên đơn trình bày là cho bị đơn vay với lãi suất là 2%/tháng, bị đơn thì cho rằng thời điểm vay lãi suất là 5%/tháng và ông đã đóng cho ông N tiền lãi được 07 tháng với số tiền 35.000.000 đồng và sau đó lãi suất giảm xuống còn 3%/tháng thì ông đã đóng tiếp cho ông N số tiền là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 16/9/2020 ông N và ông S thống nhất mức lãi suất vay là 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vậy bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 26/10/2018 đến 30/12/2020 cụ thể như sau: 100.000.000 đồng x 1,66% x 26 tháng 04 ngày = 43.381.000 đồng. Xét việc bị đơn Đặng Thanh S yêu cầu phải trừ ra số tiền lãi ông đã đóng cho ông N tổng cộng là 38.000.000 đồng, nhưng ông S chỉ trình bày ý kiến chứ không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh được việc đã đóng số tiền lãi nêu trên cho ông N nên yêu cầu trên của ông S không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành N do anh Lê Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày là có có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên các bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Số tiền án phí các bị đơn Đặng Thanh S và Phan Ngọc H phải nộp cụ thể như sau: Án phí đối với hợp đồng vô hiệu: là 300.000 đồng, án phí đối với tranh chấp hợp

đồng vay tài sản là: 143.381.00 đồng x 5% = 7.169.000 đồng *(bay triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*, tổng cộng là 7.469.000 đồng *(bay triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Thanh S được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 124, 131, khoản 1 Điều 407, 463, 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành N.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 10 năm 2018 lập tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Vĩnh Long, số công chứng 2933, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Nguyễn Thành N với ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 375, tờ bản đồ số 9, diện tích 344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 453262, số vào sổ cấp GCN: H65363 do UBND huyện Bình Tân cấp ngày 24/11/2008, cập nhật thay đổi ngày 23/6/2015 do chuyển nhượng.

Buộc ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* và 43.381.000 đồng tiền lãi phát sinh, tổng cộng là 143.381.000 đồng *(một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng)*.

Kể từ ngày 31/12/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Nguyễn Thành N trả lại cho ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 4532 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân cấp cho ông Phan Văn N ngày 24/11/2008 số thửa 375, tờ bản đồ số 9, diện tích

344,7m^2, tọa lạc tại ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cập nhật thay đổi ngày 23/6/2015 cho ông Đặng Thanh S đứng tên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Thanh S và bà Phan Ngọc H nộp 7.469.000 đồng *(bảy triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền tạm ứng án phí là 3.289.000 đồng *(ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0011482 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Ngọc Sương

Nơi nhận:
- Đương sự: 03b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hồ Trung Hậu	**Nguyễn Thị Thanh Loan**	**Huỳnh Ngọc Sương**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Trung Hậu **Trần Tú Anh** **Huỳnh Ngọc Sương**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

Huỳnh Ngọc Sương